

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 194/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 03 - 9- 2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Thọ
Ông Lê Đức Trí

- Đại diện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Văn Huy - KVS

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T .

Ngày 03 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2020/TLST/HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn L ; Sinh năm 1956. Có mặt

2. *Bị đơn:* Chị Bùi Thị V ; Sinh năm 1982. Có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn P xã T , huyện T , tỉnh T .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa Nguyên đơn là anh Lê Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và chị V tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, không tổ chức cưới theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn vào ngày 21/10/2014 tại UBND xã T , huyện T , tỉnh T . Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tháng 7/2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và vợ chồng ly thân từ

tháng 5/2020 đến nay. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Vân.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thùy L , sinh ngày 29/6/2015. Nguyên vọng của tôi yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện tại chị V không có thu nhập ổn định.

Về tài sản: Tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa và tại Biên bản lấy lời khai bị đơn là chị Bùi Thị V trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh L tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, không tổ chức cưới theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn vào ngày 21/10/2014 tại UBND xã T , huyện T , tỉnh T như anh L trình bày là đúng. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L ghen tuông vô cớ nên đã đánh tôi và làm đơn yêu cầu ly hôn tôi. Vợ chồng vẫn sống cùng nhau và quan hệ bình thường từ đó đến nay. Vợ chồng không quan hệ sinh lý từ 03 tháng nay. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thùy L , sinh ngày 29/6/2015. Tôi đồng ý để anh L nuôi con chung và tôi không cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện tại tôi không có việc làm và không có thu nhập.

Về tài sản: Vợ chồng không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi HĐXX nghị án đều đúng quy định pháp luật. Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình cụ thể: Về hôn nhân: Căn cứ vào điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử lý hôn giữa anh Lê Văn L và chị Bùi Thị V ; Về con chung: Căn cứ vào điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao con chung là cháu Lê Thùy L , sinh ngày 29/6/2015 cho anh Lê Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Bùi Thị V không cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện tại chị V không có việc làm và không có thu nhập; Chị Bùi Thị V có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Buộc Nguyên đơn chịu án phí DSST theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Văn L và chị Bùi Thị V là hôn nhân hợp pháp tại vì anh chị đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Anh L yêu cầu ly hôn, chị V không đồng ý ly hôn. Mặc dù chị V không đồng ý ly hôn nhưng chị V cũng công nhận quá trình chung sống anh chị hay cãi nhau, anh L hay ghen tuông vô cớ và đánh đập chị. Vợ chồng không quan hệ sinh lý từ tháng 6/2020 đến nay. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng không đạt kết quả. HĐXX xét thấy cuộc hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý hôn giữa anh chị là phù hợp.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung. Cả hai anh chị đều thống nhất về việc nuôi con chung nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận của anh chị về việc nuôi con chung. Anh Lê Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lê Thùy L, sinh ngày 29/6/2015. Chị Bùi Thị V không cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện tại chị V không có việc làm và không có thu nhập. Chị V có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí: Anh L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về hôn nhân: Căn cứ vào điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
Xử lý hôn giữa anh Lê Văn L và chị Bùi Thị V.

Về con chung: Căn cứ vào điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Công nhận sự thỏa thuận của anh chị về việc nuôi con chung như sau:

Anh Lê Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lê Thùy L, sinh ngày 29/6/2015. Chị Bùi Thị V không cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện tại chị V không có việc làm và không có thu nhập.

Chị Bùi Thị V có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Buộc anh Lê Văn L phải chịu 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: AA/2018/0007336 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án huyện T .

Các đương sự được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND huyện T
- Các DS
- UBND xã T, huyện T, tỉnh T.
- Thi hành án DS huyện T
- Lưu HS vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hằng